

Số: 287 /KH-PCTT

Tiền Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH

Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Thực hiện Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 14/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 29/03/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 18/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 10/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai Tìm kiếm cứu nạn tỉnh xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phải được tiến hành chủ động, thường xuyên, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

2. Luôn quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và “ba sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả).

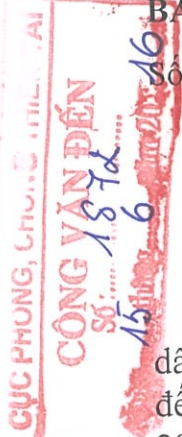
3. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

4. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn Luật; Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.



Mc P. KUR
15/6/16

2. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2016 trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống, ứng phó với thiên tai ở các khu vực xung yếu, đông dân cư.

3. Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các phương án chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai.

4. Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu theo từng ngành, từng lĩnh vực.

5. Nâng cao chất lượng thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; đồng thời nâng cao năng lực ứng phó, xử lý khi xảy ra thiên tai.

6. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, huấn luyện, diễn tập về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

7. Quản lý, đầu tư, duy tu, đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng chống thiên tai để bảo vệ dân cư và ổn định sản xuất. Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê bao, đê biển, đê cửa sông, đê sông, kênh rạch trên địa bàn tỉnh.

8. Triển khai kế hoạch và quy chế tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ năm 2016 trên địa bàn tỉnh; trong đó cần lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

9. Huy động mọi nguồn lực từ cộng đồng nhằm phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

10. Tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24 giờ để theo dõi tình hình thiên tai, thông báo, cảnh báo và tham mưu kịp thời các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Biện pháp phi công trình:

1.1. Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2015 và triển khai kế hoạch năm 2016, đặc biệt chú trọng công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống thiên tai.

1.2. Triển khai kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai, Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai năm 2016 của tỉnh; theo đó, xác định các kịch bản, lộ trình, chú trọng việc lồng ghép các biện pháp phòng, chống thiên tai vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các sở, ngành, huyện, thị xã và thành phố.

1.3. Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị tỉnh, huyện - thị xã - thành phố, phường - xã - thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch, phương án chi tiết, cụ thể trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; tăng cường công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm cứu nạn - cứu hộ; quản lý, kiểm soát chặt

chẽ, an toàn tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển.

1.4. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các sở - ban - ngành, huyện - thị xã - thành phố, xã - phường - thị trấn để thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở mỗi cấp, mỗi ngành. Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại địa bàn trọng điểm để nâng cao năng lực cho các lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách. Tăng cường kiểm tra công tác chuẩn bị thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các đơn vị trực thuộc, địa bàn cơ sở.

1.5. Lập kế hoạch huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng cứu khi xảy ra sự cố trên địa bàn tỉnh; huấn luyện sử dụng thành thạo các phương tiện, trang thiết bị hiện có. Lập kế hoạch đầu tư mua sắm các phương tiện, trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các đơn vị chuyên trách, các địa phương để thực hiện nhiệm vụ khi xảy ra thiên tai.

1.7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 trên địa bàn tỉnh; cập nhật, bổ sung các phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai.

1.8. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai đến tận xã - phường - thị trấn, ấp - khu phố nhất là các hộ dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu. Thành lập các tổ, đội thanh niên xung kích, tình nguyện làm công tác tuyên truyền, thông tin, cảnh báo và ứng cứu, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại các huyện - thị xã - thành phố, xã - phường - thị trấn.

1.9. Triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo Chương trình mục tiêu quốc gia, hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường, sản xuất, cuộc sống của người dân.

1.10. Triển khai kế hoạch trồng cây chắn sóng phòng chống sạt lở, bảo vệ đê bao, đê biển, đê cửa sông, đê sông, kè trên địa bàn các huyện - thị xã - thành phố, nhất là các công trình phòng, chống thiên tai đã được đầu tư, các khu vực thường xảy ra sạt lở.

1.11. Kiểm tra hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc, tàu nhà hàng nhất là việc trang bị các phương tiện cứu sinh, thiết bị an toàn và đảm bảo tải trọng cho phép của các tàu, thuyền khi hoạt động trên sông, biển.

1.12. Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ khu vực Gò Công nhằm phát huy tác dụng phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra thiên tai, biến đổi khí hậu - nước biển dâng, góp phần cải thiện tình trạng ô nhiễm không khí, môi trường của tỉnh.

1.13. Xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản của nhân dân và nhà nước, ngăn chặn xâm nhập và nhiễm mặn trên đồng ruộng. Đồng thời đôn đốc, vận động nhân dân làm tốt công tác thủy lợi nội đồng, giải phóng

chương ngại vật lòng, bờ kênh để tiêu thoát nước nhanh tránh ngập lụt sau mưa bão.

1.14. Các địa phương, đơn vị chức năng tăng cường công tác quản lý, theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi khai thác đất, cát, khoáng sản, xây dựng nhà cửa, công trình trái phép, sai phép, các hoạt động sản xuất, kinh doanh làm ảnh hưởng hoặc gây sạt lở bờ sông, kênh và rạch.

1.15. Tuyên truyền các hộ dân nuôi trồng thủy sản tổ chức gia cố bờ bao, chằng buộc, neo lồng, bè cá chắc chắn, trang bị đầy đủ các phương tiện cứu sinh trên bè và sẵn sàng sơ tán lên bờ khi có yêu cầu.

1.16. Bố trí và chỉ đạo lịch thời vụ đảm bảo thu hoạch vụ Hè thu trước ngày 05/9/2016 đối với các huyện phía Tây và vụ Đông Xuân trước 15/03/2017 đối với các huyện phía Đông.

1.17. Kiểm tra, rà soát cụ thể các điểm tập kết sơ tán dân, số người cần sơ tán và các trang thiết bị phục vụ cho công tác PCTT của địa phương. Mỗi xã phải xây dựng 01 phương án cụ thể trong việc sơ tán, di dân khi bão xảy ra và được tổng hợp thành phương án cho từng huyện và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Trong đó cần tính toán cụ thể, chi tiết việc huy động lực lượng, phương tiện cơ giới để di dời dân nhanh chóng đến nơi trú ẩn an toàn khi xảy ra thiên tai.

1.18. Xây dựng, rà soát, bổ sung phương án ứng phó với bão mạnh, phương án ứng phó với bão và ATNĐ, phương án ứng phó hạn mặn, phương án ứng phó với động đất, sóng thần dựa trên cơ sở các phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành. Tiến hành tuyên truyền cho người dân biết để phòng tránh, tổ chức diễn tập nhất là diễn tập vận hành cơ chế để xử lý nhịp nhàng và hiệu quả khi có thiên tai xảy ra. Riêng đối với các xã ven biển, ven cửa sông phải xây dựng thật cụ thể phương án phòng tránh sóng thần, tổ chức tuyên truyền, diễn tập và bổ sung hoàn chỉnh phương án.

1.19. Phối hợp với tổ chức phi chính phủ (Tổ chức cứu trợ trẻ em Quốc tế tại Việt Nam) thực hiện các dự án về: thích ứng biến đổi khí hậu; Giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

1.20. Đảm bảo công tác đăng ký, đăng kiểm, quản lý các phương tiện đánh bắt hải sản, quy định vị trí, bến bãi neo đậu cho các phương tiện một cách trật tự nhất là các phương tiện từ những nơi khác đến hoạt động trên khu vực biển của tỉnh; Thường xuyên cập nhật danh sách và danh bạ điện thoại các chủ tàu cá để nắm chắc số lượng tàu thuyền của địa phương còn đang hoạt động trên biển khi có bão, ATNĐ để báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Tổ chức, sắp xếp lại tàu thuyền tại các nơi trú bão và khu neo đậu trú bão; Tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cho ngư dân am hiểu những kiến thức cơ bản về phòng tránh bão, ATNĐ, sóng thần, cách tiếp cận thông tin liên lạc, những kiến thức về sử dụng các thiết bị an toàn, cách phòng tránh bão để chủ động hỗ trợ giúp nhau trên biển.

1.21. Tăng cường kiểm tra việc đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, nắm chắc tình hình hoạt động của tàu trên biển nhất

là tàu đánh bắt xa bờ. Xây dựng phương án cụ thể để đảm bảo an toàn tàu thuyền hoạt động khai thác thủy sản trên biển.

1.22. Các ngành, các cấp tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định để nắm chắc diễn biến tình hình thiên tai, đề phòng tình huống xấu và chuẩn bị phương án ứng phó thích hợp, hiệu quả. Đồng thời, theo dõi và thông tin kịp thời diễn biến thiên tai cho các địa phương, đơn vị và nhân dân trong khu vực biết để kịp thời ứng phó.

1.23. Các sở - ngành và các huyện – thị xã – thành phố thực hiện chế độ báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

a) Báo cáo định kỳ:

- Báo cáo sơ kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 6 tháng đầu năm 2016 (thực hiện trước ngày 25 tháng 6) và 9 tháng đầu năm 2016 (thực hiện trước ngày 25 tháng 9);

- Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 (thực hiện trước ngày 25 tháng 12 năm 2016).

b) Báo cáo đột xuất: đối với tình hình khẩn cấp có thiên tai xảy ra, phải báo cáo ngay bằng điện thoại, fax và sau đó báo cáo chính thức bằng văn bản về tình hình thiệt hại, biện pháp khắc phục hậu quả và kiến nghị giải quyết.

2. Biện pháp công trình:

2.1. Khu vực phía Đông:

- Kiểm tra toàn bộ hệ thống đê điều, các công trình ngăn mặn, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, nâng cấp nhằm đảm bảo chống nước biển dâng do bão, ATNĐ hoặc triều cường, đồng thời xây dựng phương án hộ đê tương ứng với từng tuyến, từng khu vực trọng điểm theo phương châm 4 tại chỗ sát thực với điều kiện thực tế của địa phương.

- Kiểm tra, rà soát các công trình đê điều, đường giao thông, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, hệ thống điện, thông tin liên lạc, trường học, y tế,...đồng thời rà soát quy hoạch bố trí dân cư đặc biệt là các khu vực ngoài đê, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai đảm bảo kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội và giảm thiểu rủi ro thiên tai ở các huyện ven biển.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn chuẩn bị hộ đê theo phương án đã duyệt; có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ gắn liền với việc bảo vệ các tuyến đê biển, đê cửa sông ở các huyện phía Đông.

- Vận động các hộ dân có điều kiện chủ động triển khai xây dựng mô hình tránh trú bão kết hợp với sinh hoạt gia đình, chuẩn bị vật tư chằng chéo nhà cửa, lương thực cần thiết...trong mùa mưa bão.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm đặc biệt là công trình phòng chống thiên tai, bảo vệ sản xuất, tài sản và tính mạng người dân như công trình giảm sóng, gây bồi chống xói lở, suy thoái nhằm khôi phục rừng phòng hộ ven biển Gò Công.

- Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, các trụ đèn báo bão; chỉ đạo chính quyền địa phương hướng dẫn các phương tiện tàu thuyền ra vào hợp lý để hạn chế việc bồi lắng tại khu neo đậu.

- Trang bị, nâng cấp và bảo vệ hệ thống, phương tiện thông tin, liên lạc, thiết bị điện, trạm biến thế; khắc phục, sửa chữa ngay khi xảy ra sự cố đường dây tải điện và có phương án đảm bảo nguồn điện dự phòng khi có thiên tai xảy ra.

- Tiếp tục thực hiện dự án nâng cấp đê biển theo Quyết định 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân các biện pháp chằng chống nhà cửa; kiểm tra, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pano, biển quảng cáo đúng kỹ thuật do ngành xây dựng quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có bão, lốc xoáy, giông tố xảy ra.

- Kiểm tra và đề xuất kế hoạch chặt tỉa các cành cây xanh không an toàn, không để xảy ra tình trạng ngã đổ khi giã ra giông tố, mưa bão.

2.2. Khu vực phía Tây:

- Khảo sát hiện trạng, hoàn chỉnh các tuyến bờ bao, đê bao còn thấp để bảo vệ vụ lúa Hè thu đồng thời tiếp tục triển khai thi công gia cố, nâng cấp các tuyến đê bao xung yếu, các trạm bơm điện ở những ô bao mới hình thành, các điểm sạt lở thi công còn dở dang trong năm 2015 và các công trình cần thiết phục vụ cho công tác PCTT năm 2016, nhất là bảo vệ lúa Hè thu chính vụ, hoa màu, cây khóm và cây ăn trái...

- Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ giai đoạn kéo dài đã được phê duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục thuộc dự án Thủy lợi Bảo Định giai đoạn II và Tiểu dự án “Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do lũ vùng Ba Rài – Phú An.

- Vận động nhân dân, tổ đê bao ở các khu vực dân cư, vùng sản xuất cây ăn trái, vùng chăn nuôi tập trung gia cố, nâng cấp bờ vùng, bờ thửa, chuồng trại, ao nuôi trồng thủy sản trước mùa mưa lũ.

- Kiểm tra, đánh giá toàn bộ hệ thống đê bao ngăn lũ và triều cường trên địa bàn quản lý, có kế hoạch đầu tư, nâng cấp và sửa chữa để chống tràn, chống ngập, chống sạt lở. Xây dựng, rà soát, bổ sung phương án bảo vệ đê điều trong các tình huống thiên tai nhất là đối với khu vực trọng điểm, xung yếu. Đồng thời phát động rộng rãi trong nhân dân tăng cường kiểm tra và có biện pháp phòng chống, xử lý sạt lở đê bao trên đất mình theo phương châm 4 tại chỗ.

- Thực hiện chủ trương bán kiên cố công đập vùng lũ (còn 79 công đập cần được bán kiên cố) và chuẩn bị máy bơm để bơm tiêu chống úng trong mùa lũ. Khẩn trương thi công những đoạn đê bao còn hở, gia cố các điểm sạt lở ở các

tuyển dân cư trước lũ chính vụ. Tổ chức các tổ tự quản, đội quản lý, Ban quản lý đề nhân dân để quản lý các công trình thủy lợi, đề bao trên địa bàn ấp, xã theo phân cấp và các cụm tuyển dân cư đã đưa vào sử dụng.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thuộc các nguồn vốn xây dựng cơ bản, thủy lợi phí, phòng chống thiên tai, thủy lợi nội đồng, sạt lở...sớm đưa vào sử dụng phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai.

- Xác định những địa bàn xung yếu có khả năng bị ảnh hưởng của lũ lụt, những điểm sơ tán an toàn (nhà kiên cố, trụ sở cơ quan, trường học, cụm tuyển dân cư...) để chủ động bố trí sơ tán dân khi có tình huống xấu xảy ra.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa trên địa bàn tỉnh năm 2016 là 65.263.593.000 đồng.

(Đính kèm Bảng tổng hợp chi tiết kinh phí tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa năm 2016).

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, xử lý kịp thời và có hiệu quả trong việc đối phó với thiên tai; tổng hợp tình hình thiên tai trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai kịp thời; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016.

- Chủ trì triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu (tổ chức lớp tập huấn, cấp phát sổ tay, cẩm nang, tờ bướm...) cho cán bộ, công chức viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và nhân dân, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc chủ động tự phòng, tránh thiên tai được an toàn, hiệu quả. Tập trung đúng mức tại các địa bàn xung yếu, đối tượng dễ bị tổn thương (người khuyết tật, người già, phụ nữ, trẻ em) để giảm nhẹ thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương tổng hợp dự toán kinh phí phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các công trình phòng chống thiên tai phát sinh, cấp bách trong năm 2016 theo hướng đảm bảo tính hiệu quả sử dụng lâu dài; chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành rà soát, kiểm

tra, thống kê các phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện có và đề xuất đầu tư bổ sung số lượng, chủng loại theo hướng hiện đại để thực hiện hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”.

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh tiếp nhận thông tin kịp thời về diễn biến thời tiết (lũ, lụt, bão, áp thấp nhiệt đới...) và đưa ra những dự báo chính xác, cảnh báo kịp thời nhằm phục vụ tốt cho công tác phòng thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh các văn bản có liên quan để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh, đảm bảo công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đạt hiệu quả cao nhất.

- Tổ chức trực ban kịp thời thông tin, cảnh báo cho các sở, ngành, địa phương triển khai công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

- Kiểm soát chặt chẽ các tàu thuyền đánh bắt hải sản khi xuất bến; cập nhật đầy đủ các thông tin về người, tàu thuyền, ngư trường hoạt động khai thác. Kiên quyết không cho xuất bến đối với tàu thuyền hết hạn đăng kiểm, tàu thuyền không trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo an toàn theo quy định và khi có lệnh cấm tàu thuyền ra khơi của Ban Chỉ huy phòng chống, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Xử lý các tàu cá vi phạm quy định về lệnh điều động đi tránh trú bão của các cơ quan có thẩm quyền tại Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt bão.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai, tai nạn trên biển.

- Thực hiện việc bắn pháo hiệu báo bão, ATNĐ theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai; tổ chức trực Đài Thông tin vô tuyến, phối hợp với các Đài Thông tin Duyên hải ven biển để liên lạc, nắm chắc số lượng và tình hình hoạt động các tàu thuyền của ngư dân trong tỉnh trên biển; thường xuyên thông tin, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển đến nơi an toàn hoặc thoát ra khỏi vùng nguy hiểm khi xuất hiện bão, ATNĐ trên biển Đông.

- Trực tiếp hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời tổ chức cứu hộ, cứu nạn đối với tàu đánh bắt hải sản, tàu hàng trong và ngoài tỉnh bị nạn trên vùng biển của tỉnh.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Xây dựng phương án huy động lực lượng bộ đội và dân quân tự vệ kịp thời ứng phó, giúp đỡ, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; huy động lực lượng kịp thời cứu nạn, cứu hộ khi tình huống cấp bách xảy ra. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập

huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ để các tình huống diễn tập sát với thực tế, đạt hiệu quả cao.

4. Công an tỉnh:

- Xây dựng Kế hoạch phối hợp và bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân trước, trong và sau thiên tai; huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời khi có thiên tai, tai nạn.

- Tăng cường lực lượng hướng dẫn, giải quyết, xử lý ách tắc giao thông trong thời gian xảy ra thiên tai, nhất là thời điểm triều cường, mưa lớn gây ngập sâu trên diện rộng; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phương tiện thủy, bộ vận chuyển trang thiết bị, vật tư để xử lý sự cố tràn đê bao, bờ bao đảm bảo khắc phục nhanh nhất.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng phương án bảo vệ đê điều trong các tình huống thiên tai, nhất là đối với khu vực trọng điểm, xung yếu. Thường xuyên theo dõi diễn biến thiên tai, thông báo kịp thời cho nhân dân biết để chủ động phòng tránh. Phối hợp với các địa phương thực hiện hỗ trợ di dời dân ở những vùng có nguy cơ sạt lở, vùng khó khăn do thiên tai.

- Rà soát, củng cố, bổ sung phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành thủy sản. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc trang bị các thiết bị thông tin liên lạc, phao cứu sinh, phương tiện trang thiết bị đảm bảo an toàn cho tàu cá và ngư dân hoạt động trên biển. Nắm chắc số lượng tàu thuyền, thuyền viên đang hoạt động đánh bắt thủy sản trên biển và ngư trường khai thác của tàu cá (đặc biệt là tàu đánh bắt xa bờ) để kịp thời hướng dẫn di chuyển phòng, tránh thiên tai đến nơi neo đậu an toàn. Phối hợp với các địa phương chỉ đạo việc hướng dẫn phòng, bảo vệ tốt diện tích nuôi trồng thủy sản và lồng, bè cá trên sông và khắc phục hậu quả do bão, lụt gây ra.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng từng tuyến đê, xây dựng kế hoạch huy động mọi nguồn lực để tiến hành tu sửa, gia cố đê biển, đê cửa sông, đê sông, bờ bao ngăn lũ, đặc biệt là các đoạn đê xung yếu, đoạn hở, sạt lở. Rà soát lại các phương án hộ đê cho từng tuyến, đặc biệt là đoạn xung yếu trên đê biển Gò Công. Xây dựng phương án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đê biển Gò Công gắn liền với việc bảo vệ các tuyến đê biển, đê cửa sông ở các huyện phía Đông. Sắp xếp lịch gieo sạ lúa theo hướng né rầy đồng loạt, né lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Xây dựng các phương án và biện pháp đối phó với úng, ngập cục bộ và lũ lớn có thể xảy ra để chủ động bảo vệ sản xuất và các khu dân cư tập trung.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng Phương án ứng phó, khắc phục hậu quả động đất, sóng thần; chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố

tràn dầu trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng kiểm tra các tổng kho xăng dầu, kho chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ... để khuyến cáo các chủ cơ sở thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất, sóng thần. Xây dựng Kế hoạch vận động, tuyên truyền nhân dân giữ vệ sinh môi trường và có kế hoạch xử lý kịp thời các tình huống xấu về môi trường do thiên tai gây ra.

7. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án, công trình củng cố, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng đê điều, di dời dân cư và các hoạt động liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Sở Tài chính thẩm tra dự toán kinh phí phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thẩm họa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đồng thời phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh để chi hỗ trợ cho các sở, ngành và địa phương nhanh chóng khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất khi có thiên tai xảy ra.

8. Sở Công thương: Lập kế hoạch củng cố và đảm bảo cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân vùng ảnh hưởng thiên tai. Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các biện pháp bình ổn giá cả thị trường sau thiên tai. Chỉ đạo Công ty Điện lực Tiền Giang tăng cường kiểm tra, bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, đảm bảo cung cấp điện ổn định, liên tục và an toàn điện. Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các đơn vị chức năng khác tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, nâng giá nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, vật liệu xây dựng, nhiên liệu, chất đốt nhằm ổn định thị trường.

9. Sở Y tế: Chuẩn bị đủ cơ số thuốc, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, thuốc men cần thiết, lực lượng y, bác sĩ để đáp ứng nhu cầu cứu thương, phòng ngừa dịch bệnh và khắc phục hậu quả về sức khỏe, môi trường sau thiên tai; phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho cộng đồng và lực lượng tại chỗ làm công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn nhằm thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”.

10. Sở Giao thông Vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với địa phương, đơn vị kiểm tra, xử lý tình trạng lấn chiếm, san lấp sông, rạch trái phép đảm bảo giao thông thông suốt phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân; kiểm tra hoạt động kinh doanh tại các bến đò ngang, đò dọc và các phương tiện vận tải lưu thông trên sông, kênh, rạch bảo đảm tuyệt đối an toàn khi tham gia giao thông đường thủy, không chở quá tải (phương tiện phải được đăng kiểm, có hệ thống thông tin liên lạc, trang bị áo phao, phao cứu sinh), đình chỉ hoạt động của các bến phà, bến khách ngang sông

trên địa bàn tỉnh khi có ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh nhằm đảm bảo tính mạng và tài sản của nhân dân khi có lụt, bão xảy ra.

- Phối hợp với địa phương tổ chức cảnh báo, hướng dẫn tại các tuyến đường thường xuyên bị ngập sâu, nước chảy xiết hoặc bị sạt lở để người dân biết, hạn chế đi lại; kịp thời xử lý sự cố các tuyến giao thông huyết mạch, đảm bảo đi lại thông suốt, an toàn trong mùa mưa bão.

- Chỉ đạo triển khai phương án, kế hoạch chặt tỉa, đốn hạ cây xanh mục rỗng, sâu bệnh để cây xanh không đổ ngã khi xảy ra lốc xoáy, mưa bão làm ảnh hưởng đến tính mạng và ùn tắc giao thông, đảm bảo an toàn phà, cầu nhất là cầu yếu.

- Xây dựng kế hoạch dự phòng, huy động phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy phù hợp với địa bàn tỉnh khi xảy ra thiên tai để kịp thời đáp ứng yêu cầu di chuyển, sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn.

11. Sở Xây dựng:

- Phối hợp kiểm tra, hướng dẫn, cảnh báo các chủ đầu tư, nhà thầu thi công phải đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng công trình thuộc phạm vi mình quản lý phù hợp với các Quy chuẩn về an toàn trong xây dựng hiện hành.

- Phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho các công trình trước, trong và sau mùa mưa, bão, lũ lụt. Đề ra biện pháp khắc phục hậu quả sự cố công trình do thiên tai gây ra, để đảm bảo an toàn và hạn chế thiệt hại thấp nhất về người và của.

- Tiếp tục hoàn thành các thủ tục và triển khai thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ khi các Dự án bổ sung Chương trình cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn II được duyệt.

12. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, thông tin di động kiểm tra, bảo vệ các hệ thống đài, trạm viễn thông cố định, di động đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, thông tin di động xây dựng và triển khai vận hành hệ thống dịch vụ tin nhắn trong việc truyền tin phục vụ chỉ huy, điều hành công tác phòng chống thiên tai.

- Phối hợp Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và địa phương rà soát, kiểm tra mạng thông tin vô tuyến điện dùng riêng phục vụ phòng chống lụt, bão và cháy rừng để đảm bảo thông tin phục vụ công tác phòng chống thiên tai năm 2016.

13. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Xây dựng Kế hoạch phối hợp với các ngành, các cấp nắm chắc số lượng hộ chính sách, hộ nghèo có thể thiếu đói trong khi thiên tai xảy ra. Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất cứu trợ và tổ chức

thực hiện tốt công tác cứu trợ giúp đỡ nhân dân sớm khắc phục hậu quả thiên tai.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang kiện toàn Ban vận động tiếp nhận, phân phối, quản lý, sử dụng tiền, hàng cứu trợ tỉnh; phối hợp các đoàn thể, hội quần chúng tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức mở các lớp tập huấn nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai cho hội viên, đoàn viên... vận động và tiếp nhận nguồn hàng cứu trợ của các tập thể, cá nhân đóng góp khi có thiên tai, có kế hoạch vận động hội viên, đoàn viên nhất là lực lượng thanh niên xung kích tham gia ứng cứu và khắc phục hậu quả thiên tai.

15. Các ngành, các cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai trong ngành, cấp mình. Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư cần thiết để tham gia phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Tổ chức trực ban nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo.

16. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ấp Bắc: phối hợp chặt chẽ với cơ quan dự báo, cảnh báo, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thông báo kịp thời, nhanh chóng tình hình diễn biến thời tiết và thiên tai, các nội dung Công điện, văn bản chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đến mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết để chủ động phòng tránh đồng thời tăng cường phổ biến cho nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho:

- Kiểm tra, rà soát, hoàn chỉnh Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Điều 15 và Điều 22 của Luật Phòng, chống thiên tai, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế địa phương, trong đó cần tính toán, rà soát, thống kê chi tiết số lượng dân sơ tán, địa điểm an toàn phục vụ sơ tán, huy động lực lượng, phương tiện cơ giới để di dời dân nhanh chóng đến nơi trú ẩn an toàn khi xảy ra thiên tai. Đồng thời, hợp đồng với chủ các phương tiện cơ giới, vật tư, thiết bị hiện có trên địa bàn để kịp thời huy động, trưng dụng khi cần thiết. Kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa các cống, đập, các bờ vùng, bờ thửa và bờ bao bảo vệ các vùng sản xuất nông nghiệp, khu dân cư và bảo vệ các công trình phúc lợi xã hội và chỉ đạo chặt chẽ lịch thời vụ sản xuất lúa nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Tổ chức huấn luyện, thực tập thành thạo các phương tiện, trang thiết bị hiện có; diễn tập các phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn, trong đó chú trọng đến các địa bàn trọng điểm, khu vực trường học.

- Phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, nắm chắc số lượng tàu thuyền của địa phương còn đang hoạt động trên biển khi có bão, ATNĐ, báo cáo Ủy

ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Tổ chức, sắp xếp lại tàu thuyền tại các nơi trú bão và khu neo đậu trú bão.

- Tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành dứt điểm các công trình phòng, chống thiên tai đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, công trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ; phát động nhân dân tham gia bảo vệ các công trình phòng chống lũ lụt, tham gia cùng chính quyền phòng và xử lý sạt lở đe dọa bao ngăn lũ... Tổ chức các biện pháp bảo vệ an toàn tính mạng cho nhân dân, đặc biệt là trẻ em, người già trong vùng ngập lũ.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm sông, kênh, rạch gây sạt lở, làm tắc nghẽn dòng chảy, hướng thoát nước tự nhiên trên địa bàn mình quản lý. Các huyện, thị xã, thành phố có đề khẩn trương thành lập lực lượng quản lý đe dọa nhân dân tại phường - xã - thị trấn để phát huy vai trò, trách nhiệm cộng đồng tại chỗ trong việc tổ chức phòng, chống, ứng phó thiên tai.

Các ngành còn lại theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và chức năng nhiệm vụ của ngành, đơn vị phối hợp chặt chẽ với địa phương tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016.

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh yêu cầu các sở - ngành, đơn vị, đoàn thể và huyện - thị xã - thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt Kế hoạch công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh năm 2016./.

Nơi nhận: *Đã*

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- UBQG TKCN (b/c);
- CC PCTT KVMN;
- TT.TU (b/c), TT.UBND Tỉnh (b/c);
- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh (t/h);
- Lưu VP, QLĐĐ&PCTT (Thịnh).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Cán

**DỰ TOÁN KINH PHÍ TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ,
ỨNG PHÓ THIÊN TAI, THẢM HỌA NĂM 2016**
(Đính kèm công văn số: 245 /STC-NS ngày 25/01/2016 của Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
1	HUYỆN CÁI BÈ	45.728.700.000	9.150.000.000	9.150.000.000	
1	Di dời các tuyến đê bị sạt lở:	11.555.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	Biên bản họp ngày 08/01/2016
1,1	Di dời đoạn đê sông Cái Bè- xã Đông Hòa Hiệp, chiều dài l=300m	300.000.000			
1,2	Di dời tuyến đê kênh Rạch ruộng- xã Mỹ Lợi B, chiều dài l=420m	500.000.000			
1,3	Di dời tuyến đê kênh 8- xã An Cư, chiều dài l=2.000m	5.000.000.000			
1,4	Di dời tuyến đê kênh 28- xã Hòa Khánh và Hậu Thành, chiều dài l=4476m	5.755.000.000			
2	Nâng cấp chống ngập sân trường	1.150.000.000	1.150.000.000	1.150.000.000	Biên bản họp ngày 08/01/2016
2,1	Nâng cấp sân trường tiểu học Hậu Mỹ Trinh- xã Hậu Mỹ Trinh	400.000.000			
2,2	Nâng cấp sân trường tiểu học Hậu Mỹ Bắc A- xã Hậu Mỹ Bắc A	600.000.000			
2,3	Nâng cấp cống thoát nước và tường rào điểm trường tiểu học An Cư- xã An Cư	150.000.000			
3	Xử lý sạt lở hộ Ông Nguyễn Minh Phi xã An Thái Đông, chiều dài l=20m	350.000.000			
4	Kinh phí triển khai kế hoạch Nâng Cao nhận thức cộng đồng năm 2016	100.000.000			
5	Kinh phí xây dựng 60 đập tạm	2.000.000.000			
6	Khắc phục sạt lở	10.000.000.000			
7	Gia cố tuyến đê thấp (30 tuyến)	12.000.000.000			
8	Gia cố đê bao bảo vệ lúa Hè thu bằng cơ giới	8.000.000.000			
9	Mua xe tải nhỏ vận chuyển sơ tán	350.000.000			
10	Máy chiếu + Laptop	50.000.000			
11	Máy phát điện (chạy xăng, dầu)	40.000.000			
12	Phao tròn + áo phao (mỗi loại 50 cái)	20.000.000			
13	Nhà bạc 45m2 tráng PVC chống mưa nắng	10.000.000			
14	Nhà bạc 30m2 tráng PVC chống mưa nắng	7.000.000			
15	Xăng xe ô tô lãnh đạo kiểm tra: 500 lít x 20.000 đ/l	10.000.000			
16	Xăng xe mô tô kiểm tra của BCH PCTT-TKCN: 400 lít x 20.000 đ/lít	8.000.000			
17	Hội + Họp (05 cuộc) 60 người/cuộc + Tổng kết (01 cuộc)	6.000.000			
18	VPP In ấn tài liệu	5.000.000			
19	Bồi dưỡng trực PCTT (từ tháng 4-12/2016)	50.000.000			
20	Áo mưa	17.500.000			
21	Đèn pin	200.000			
II	THỊ XÃ CÀI LẬY	25.284.400.000	6.000.000.000	6.000.000.000	
1	Xử lý sạt lở không di dời	4.466.400.000	2.500.000.000	2.500.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
1,1	XLSL bờ Đông kênh Xáng Ngang, xã Mỹ Hạnh Trung, chiều dài l=55m.	181.500.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
1,2	XLSSL bờ Tây sông Ba Rài, xã Tân Bình (các đoạn còn lại), chiều dài l=143m	471.900.000			
1,3	XLSSL bờ Tây sông Ba Rài, xã Thanh Hòa, chiều dài l=105m	364.500.000			
1,4	XLSSL bờ Đông sông Ba Rài, xã Thanh Hòa, chiều dài l=45m	148.500.000			
1,5	XLSSL bờ đường Nam Kênh Tà Lướt, chiều dài l=150m	495.000.000			
1,6	XLSSL kênh Mỹ Long Bà Trà, chiều dài l=400m	1.320.000.000			
1,7	XLSSL bờ Tây Kênh Mỹ Long Bà Kỳ, chiều dài l=450m	1.485.000.000			
2	Xây dựng công chống lũ và triều cường	12.570.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
2,1	Ba công trên đường Ba Vũng xã Thanh Hòa D800	450.000.000			
2,2	Công Ba Giàu xã Phú Quý D1200	300.000.000			
2,3	Công Tám Các xã Phú Quý D1200	300.000.000			
2,4	Công Hai Hương xã Phú Quý D1200	300.000.000			
2,5	Công Chín Bích xã Phú Quý D1200	300.000.000			
2,6	Công Bảy Biển xã Nhị Quý D1200	300.000.000			
2,7	Công Bà Trà xã Nhị Quý D3000	750.000.000			
2,8	Công Tư Em xã Nhị Mỹ D1000	320.000.000			
2,9	Công Nam Ban Chón xã Tân Phú D1200	350.000.000			
2,10	Công Kênh Bà Quạ xã Tân Phú D1200	350.000.000			
2,11	Công Kênh Thầy Giáo xã Tân Bình D2000	450.000.000			
2,12	Công Kênh Mới 1 xã Tân Bình D2000	450.000.000			
2,13	Công Kênh Mới 2 xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,14	Công Kênh Lồng Ống 1 xã Tân Bình D2000	450.000.000			
2,15	Công Kênh Lồng Ống 2 xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,16	Công Kênh Đất Lãng 1 xã Tân Bình D2000	300.000.000			
2,17	Công Kênh Đất Lãng 2 xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,18	Công Kênh Ba Hòn 1 xã Tân Bình D2000	450.000.000			
2,19	Công Kênh Ba Hòn 2 xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,20	Công Kênh Địa Sậy xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,21	Công Kênh 6 Cường xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,22	Công Kênh Gò Đẻ xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,23	Công Kênh Chùa 1 xã Tân Bình D2000	300.000.000			
2,24	Công Kênh Chùa 2 xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,25	Công Kênh Chùa 3 xã Tân Bình D2000	450.000.000			
2,26	Công Kênh Nội Đồng xã Tân Bình D1200	300.000.000			
2,27	Công Kênh Cây Trâm xã Nhị Quý D12000	300.000.000			
2,28	Công Kênh Xóm Dông Giữa xã Nhị Quý D1200	300.000.000			
2,29	Công Kênh 19/5 xã Nhị Quý D1200	300.000.000			
2,30	Công kênh dòng Mộc Liêm xã Nhị Quý D1200	300.000.000			
2,31	Công Kênh Kháng Chiến xã Nhị Quý D1200	300.000.000			
2,32	Công 6 Long xã Mỹ Hạnh Trung D1200	300.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
2,33	Công 2 Hưng xã Mỹ Hạnh Trung D2000	450.000.000			
2,34	Công Kênh Kháng Chiến xã Mỹ Hạnh Trung D2500	300.000.000			
2,35	Công Kênh Bang Chón xã Mỹ Hạnh Trung D1200	300.000.000			
2,36	Công Kênh Ba Tranh xã Mỹ Hạnh Trung D2000	450.000.000			
3	Xử lý sạt lở khu vực chợ Mỹ Phước Tây (giai đoạn 2)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
4	Gia cố 20 đoạn đê sạt lở (20 đoạn x 20m x 5.000.000đ/m)	2.000.000.000			
5	Nâng cấp 3 tuyến đê bao: đê Tây kênh Mỹ Long-Nhị Quí, đê Đông sông Bà Trà, đê Tây sông Bà Trà	2.590.000.000			
6	Áo phao: 100 cái x 300.000đ	30.000.000			
7	Phao tròn: 100 cái x 300.000đ	30.000.000			
8	Chi phí khắc phục nếu có bão xảy ra	1.500.000.000			
9	Văn phòng phẩm phục vụ mùa lũ	10.000.000			
10	Chi phí điện thoại	5.000.000			
11	Xăng đi kiểm tra phục vụ chống lũ-bão	15.000.000			
12	Chi phí mua sắm công cụ phục vụ mùa lũ	5.000.000			
13	Chi phí tập huấn công tác phòng chống thiên tai: 16 xã x 100 người x 30.000đ	48.000.000			
14	Chi trực phòng chống thiên tai	15.000.000			
III	HUYỆN CAI LẬY	40.747.600.000	6.465.000.000	6.465.000.000	
1	Xử lý gia cố, dời các đoạn đê bị sạt lở	14.770.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
1,1	Điểm sạt lở tuyến kênh Rạch Trà Tân xã Long Trung, chiều dài l=200m	1.000.000.000			
1,2	Điểm sạt lở sông Ba Rài xã Hội Xuân, chiều dài l=90m	450.000.000			
1,3	Điểm sạt lở sông Ba Rài xã Cẩm Sơn chiều dài l=400m	2.000.000.000			
1,4	Điểm sạt lở Rạch cả Nai, kênh Bang Lợi xã Mỹ Long, chiều dài l=540m	2.700.000.000			
1,5	Điểm sạt lở các xã phía Bắc, chiều dài l=500m	2.500.000.000			
1,6	Điểm sạt lở Rạch Phú An xã Phú An, chiều dài l=300m	1.500.000.000			
1,7	Điểm sạt lở rạch Mù U, rạch Hai Tân xã Tam Bình, chiều dài l=360m	1.800.000.000			
1,8	Điểm sạt lở rạch Địa Đưng, Cầu Gió xã Long Tiên, chiều dài l=300m	1.500.000.000			
1,9	Xử lý sạt lở (dời đê) đê Cồn Trích ấp Tân Thiện xã Tân Phong, chiều dài l=700m	840.000.000	840.000.000	840.000.000	
1,10	Xử lý sạt lở (dời đê) đê 7 Đạo ấp Tân Thiện xã Tân Phong, chiều dài l=400m	480.000.000	480.000.000	480.000.000	
2	Nâng cấp bờ bao đê	17.850.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
2,1	Bắc sông Bang Lợi xã Long Tiên-Mỹ Long, chiều dài l=12.000m	1.800.000.000			
2,2	Kênh Cầu Gió xã Long Tiên, chiều dài l=700m	1.050.000.000			
2,3	Rạch Trà Tân xã Long Trung, chiều dài l=15.000m	2.250.000.000			
2,4	Đông Tây sông Phú An-Bình Phú, chiều dài l=22.000m	3.300.000.000			
2,5	Đông Tây sông Ba Rài xã Hội Xuân-Cẩm Sơn, chiều dài l=12.000m	1.800.000.000			
2,6	Đông Tây Địa Đưng xã Long Tiên-Tam Bình, chiều dài l=9.000m	1.350.000.000			
2,7	Bắc sông Năm Thôn xã Hiệp Đức- Hội Xuân- Long Trung-Tam Bình, chiều dài l=12.000m	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	
2,8	Công Cả Nai 1 xã Mỹ Long (Đê Nam Bang Lợi, công hồ 3-4m)	1.500.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tỉnh đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
2.9	Cống Cà Nai 2 xã Mỹ Long (Cuối kênh Cà Nai, cống hờ 3-4m)	1.500.000.000			
2.10	Cống Tư Bầu xã Mỹ Long (Cống hờ 3-4m)	1.500.000.000			
3	Hỗ trợ kinh phí 11 điểm sạt lở phát sinh năm 2015	3.345.000.000	3.345.000.000	3.345.000.000	Biên bản họp ngày 05/01/2016
3.1	XLSL bờ Đông rạch Trà Tân (hộ Huynh Thị Thêm) ấp 12 xã Long Trung	125.000.000			
3.2	XLSL bờ Tây sông Phú An (hộ ông Bảy Bé) ấp 5 xã Phú An	245.000.000			
3.3	XLSL bờ Đông sông Ba Rài (hộ ông Nguyễn Văn Nhật) ấp 4 xã Cẩm Sơn	240.000.000			
3.4	XLSL bờ Tây sông Ba Rài (hộ ông Nguyễn Văn Biệp) ấp 2 xã Cẩm Sơn	415.000.000			
3.5	XLSL bờ Tây sông Ba Rài (hộ ông Trần Văn Bé) ấp 2 xã Cẩm Sơn	265.000.000			
3.6	XLSL bờ Tây sông đê bao sông Mù U (ấp Bình Hòa A, xã Tam Bình, hộ ông Nguyễn Văn Cang)	380.000.000			
3.7	XLSL bờ Đông đê bao Hai Tân (ấp Tây Hòa, xã Tam Bình, hộ ông Đỗ Văn Màu)	175.000.000			
3.8	XLSL bờ Bắc sông Năm Thôn (ấp 14, xã Long Trung, hộ Bùi Thị Ba)	420.000.000			
3.9	XLSL bờ Nam sông Bang Lợi (trước cổng trường THCS Phan Văn Cẩm)	415.000.000			
3.10	XLSL bờ Tây sông Ba Muồng (ấp Mỹ Thạnh A, xã Long Tiên, hộ Mai Văn Bé)	355.000.000			
3.11	XLSL bờ Tây sông Ba Rài (ấp 2, trạm y tế xã Cẩm Sơn)	310.000.000			
4	Chi phí đi dời nhà (150 căn x 1.000.000đ)	150.000.000			
5	Cầu, đường (20 cây x 50.000.000đ)	1.000.000.000			
6	Sửa chữa phòng học (50 phòng x 50.000.000đ)	2.500.000.000			
7	Áo phao (100 cái x 300.000đ)	30.000.000			
8	Phao tròn (100 cái x 16.000 đ)	1.600.000			
9	Chi phí khắc phục nếu có bão xảy ra	1.000.000.000			
10	Vận phòng phẩm phục vụ họp mùa lũ	2.000.000			
11	Chi phí điện thoại	2.000.000			
12	Xăng đi kiểm tra phục vụ chống lũ	5.000.000			
13	Chi phí mua sắm công cụ phục vụ mùa lũ	2.000.000			
14	Chi phí tập huấn công tác PCLB (16 xã 100 người x 50.000.000đ)	80.000.000			
15	Chi phí trực PCLB	10.000.000			
IV	HUYỆN CHÂU THÀNH	14.980.720.000	7.447.000.000	7.447.000.000	
1	Xử lý sạt lở trên địa bàn huyện	1.900.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	Biên bản họp ngày 08/01/2016
1.1	XLSL Hộ 3 Phước xã Đông Hòa, chiều dài l=100m	200.000.000			
1.2	XLSL bờ tây kênh Nguyễn Tấn Thành xã Song Thuận, chiều dài l=200m	600.000.000			
1.3	XLSL bờ tây kênh Nguyễn Tấn Thành xã Đông Hòa, chiều dài l=100m	300.000.000			
1.4	XLSL bờ tây kênh Nguyễn Tấn Thành xã Long Định, chiều dài l=100m	300.000.000			
1.5	XLSL bờ tây kênh Nguyễn Tấn Thành xã Long Hưng, chiều dài l=100m	300.000.000			
1.6	XLSL Bờ Đông Kênh Me xã Hữu Đạo, chiều dài l=30m	200.000.000			
2	Đầu tư, nâng cấp các cống, đập bị sụp lún chống lũ và triều cường	6.247.000.000	1.947.000.000	1.947.000.000	Biên bản họp ngày 08/01/2016
2.1	XLSL Cống Bà Tét xã Bàn Long, chiều dài l=15m	300.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
2,2	Cống Cầu Đập xã Đông Hòa, B=6m	2.000.000.000			
2,3	Cống Rạch Cầu Lấp xã Kim Sơn, B=6m	2.000.000.000			
2,4	Đập Hai Nước Mắm xã Hữu Đạo, B=3m	1.947.000.000	1.947.000.000	1.947.000.000	
3	Xử lý nâng cấp bờ bao chống triều cường	5.214.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	Biên bản họp ngày 08/01/2017
3,1	Xử lý nâng cấp bờ bao Bắc sông Rạch Gầm xã Bàn Long, chiều dài l=1.200m	714.000.000			
3,2	Xử lý nâng cấp bờ bao Nam sông Rạch Gầm xã Bàn Long, chiều dài l=2.000m	2.000.000.000			
3,3	Xử lý nâng cấp bờ bao Tây sông Rạch Gầm xã Kim Sơn, chiều dài l=2.000m	2.000.000.000			
3,4	Xử lý nâng cấp bờ bao Tây kênh 26-3 xã Kim Sơn, chiều dài l=2.400m	500.000.000			
4	Chăm công trực, bão, lũ:	50.000.000			
5	Chi mua sắm các trang thiết bị thường xuyên phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hoạt động tìm kiếm cứu nạn:	286.120.000			
5,1	Nhà bạt trung: 3 cái * 7.500.000 đồng	22.500.000			
5,2	Áo mưa: 34 người * 370.000 đồng/cái	12.580.000			
5,3	Phao cứu sinh: 100 người * 145.000 đồng/cái	14.500.000			
5,4	Máy phát điện 02 máy * 30.000.000 đồng	60.000.000			
5,5	Áo mưa: 62 cái * 370.000 đồng/cái	22.940.000			
5,6	Áo phao: 62 cái * 135.000 đồng/cái	8.370.000			
5,7	Xềng, cuốc: 48 cái * 70.000 đồng/cái	3.360.000			
5,8	Đèn pin: 20 cái * 300.000 đồng/cái	6.000.000			
5,9	Văn phòng phẩm, mực Fax và tài liệu	6.370.000			
5,10	Thuốc cho nhóm cấp cứu các xã: 23 cơ sở thuốc * 3.500.000đ/cơ sở thuốc	80.500.000			
5,11	Thuốc cho tổ cấp cứu huyện: 04 tổ * 3.500.000đ/tổ	14.000.000			
5,12	Hóa chất và thiết bị lắng lọc nước:	35.000.000			
6	Chi tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức tìm kiếm cứu nạn các tổ chức đoàn thể, chính quyền và nhân dân ở địa phương:	10.600.000			
6,1	Tập huấn kiến thức sơ cấp cứu 02 lớp * 2.800.000 đồng	5.600.000			
6,2	Truyền thông giáo dục sức khỏe	5.000.000			
7	Chi bảo quản, sửa chữa các công trình tìm kiếm cứu nạn:	1.000.000.000			
8	Chi thông tin, liên lạc; công tác phí:	34.000.000			
8,1	Chi thông tin liên lạc	4.000.000			
8,2	Chi tiền xăng công tác kiểm tra công tác phòng chống thiên tai, triều cường	30.000.000			
9	Chi tổng kết, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động PCTT, tìm kiếm cứu nạn của địa phương:	29.000.000			
9,1	Hội họp: 6 cuộc * 500.000đ/cuộc	3.000.000			
9,2	Hội nghị triển khai, tổng kết: 6 cuộc * 1.000.000đ	6.000.000			
9,3	Chi khen thưởng	20.000.000			
10	Chi phí tiền ăn thêm, bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia sơ tán:	210.000.000			
10,1	Tiền cơm nước: 1.000 người * 3ngày * 20.000đ/người/ngày	60.000.000			
10,2	Di tản, sơ tán người: 1.000 người * 20.000đ/người * 2 lượt	40.000.000			
10,3	Chi phí cấp cứu người bị nạn, đảm bảo y tế cho các lực lượng tham gia tìm kiếm cứu nạn;	30.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
10,4	Chi phí thuê phương tiện, chi phí sửa chữa các phương tiện (nếu bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan) được huy động tham gia tìm kiếm cứu nạn theo lệnh điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	20.000.000			
10,5	Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến tìm kiếm cứu nạn.	60.000.000			
V	THÀNH PHỐ MỸ THO	10.238.850.000			
1	Kinh phí hoạt động của BCH PCTT và tổ giúp việc	185.450.000			
2	Công trình đê Thới Thạnh, Thới Sơn (Đoạn 4)	1.800.000.000			
3	Đê rạch Bà Ngoạn, Thới Sơn	1.200.000.000			
4	Gia cố sạt lở đầu cồn phía Đông xã Thới Sơn	3.000.000.000			
5	Gia cố sạt lở đầu cồn phía Tây xã Thới Sơn	3.000.000.000			
6	Tập huấn kiến thức PCTT cho cộng đồng (8 cuộc x 2.300.000VNĐ)	18.400.000			
7	Diễn tập PCLB	85.000.000			
8	Nạo vét kênh Dừa Bì xã Đạo Thạnh	300.000.000			
9	Nạo vét kênh Bà Đắc (Đoạn 2) xã Đạo Thạnh	150.000.000			
10	Nạo vét kênh Hai Oanh xã Đạo Thạnh	150.000.000			
11	Nạo vét rạch Cầu Đò phường 10	350.000.000			
VI	HUYỆN GÒ CÔNG TÂY	5.181.395.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Vĩnh Hữu 2	3.000.000.000			
2	Nạo vét kênh Đê Sông Tra (4.500m)	700.000.000			
3	Xây dựng cầu Rạch Giá, ấp Khương Thọ, xã Đồng Sơn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
4	Tiền ăn cho lực lượng cơ động Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (65 người x 7 ngày x 52.500VNĐ)	23.887.500			
5	Tiền ngày công lao động cho lực lượng cơ động Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (65 người x 7 ngày x 92.000đ)	41.860.000			
6	Tiền ăn cho lực lượng cơ động Bộ chỉ huy Quân sự huyện (65 người x 7 ngày x 52.500đ)	23.887.500			
7	Tiền ngày công lao động cho lực lượng cơ động Bộ chỉ huy Quân sự huyện (65 người x 7 ngày x 92.000đ)	41.860.000			
8	Áo phao (110 cái x 150đ)	16.500.000			
9	Áo mưa (121 cái x 250.000đ)	30.250.000			
10	Đèn pin sạc (111 cái x 200.000đ)	22.200.000			
11	Loa tay (54 cái x 1.500.000đ)	81.000.000			
12	Sắt neo fi 6 (200kg x 20.000đ)	4.000.000			
13	Xăng, dầu (2.150 lít x 20.000đ)	43.000.000			
14	Xả beng (35 cây x 250.000đ)	8.750.000			
15	Máy phát điện (2 cái x 5.000.000đ)	10.000.000			
16	Dao (60 cái x 200.000đ)	12.000.000			
17	Búa (60 cái x 200.000đ)	12.000.000			
18	Kềm (30 kg x 10.000đ)	300.000			
19	Củ tràm (1000 cây x 15.000đ)	15.000.000			
20	Xéng (70 cây x 150.000đ)	10.500.000			
21	Cuốc (70 cái x 150.000đ)	10.500.000			
22	Bao chứa đất (2.500 cái x 1.500đ)	3.750.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
23	Dây loa (3.000m x 12.500đ)	37.500.000			
24	Loa phóng (15 cái x 420.000đ)	6.300.000			
25	Biển áp (10 cái x 135.000đ)	1.350.000			
26	Phao cứu sinh (50 cái x 300.000đ)	15.000.000			
27	Cru tay (50 cái x 200.000đ)	10.000.000			
VII	HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG	16.036.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000	
1	Đầu tư nâng cấp đường liên ấp Hộ-Láng-Kinh Ngang xã Tân Thành	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	CV 0400/UBND-KTN ngày 18/12/2015
2	Đầu tư xử lý sạt lở bờ bao bảo vệ khu vực bãi rác huyện Gò Công Đông	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	CV 3053/UBND-KTN ngày 18/12/2015
3	Đầu tư xây dựng cầu Bà Trá, xã Tân Đông	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	Biên bản họp ngày 30/10/2015
4	Nâng cấp đường liên ấp 2,3 Tân Phước (Nhựa dài 874m, mặt 3m)	1.570.000.000			
5	Xây Cầu Kênh Láng xã Kiểng Phước	2.500.000.000			
6	Mô hình tránh trú bão kết hợp sinh hoạt gia đình (8 xã ven, 200 cái)	2.800.000.000			
7	Xử lý sạt lở bờ sông Cửa Tiểu (Đê bao Rạch Giã xã Phước Trung dài 420m)	2.260.000.000			
8	Tập huấn đào tạo báo cáo viên PCTT cấp xã 4 lớp	36.000.000			
9	Tập huấn cứu nạn 3 lớp	24.000.000			
10	Tập huấn cộng đồng dân cư ứng phó thiên tai tại chỗ 5 lớp	20.000.000			
11	Truyền thông phòng chống thiên tai ở cộng đồng (13 cuộc x 13 xã, thị trấn)	26.000.000			
VIII	HUYỆN TÂN PHƯỚC	2.521.400.000	430.000.000	430.000.000	
1	Nạo vét tuyến kênh cấp đê 19/5 (đoạn từ đường tỉnh 866 đến cống Rạch Góc) thuộc xã Phú Mỹ	430.000.000	430.000.000	430.000.000	CV 46/STC-NS ngày 08/01/2016
2	Tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng (06 cuộc x 1.900đ)	11.400.000			
3	Gia cố nâng cấp các tuyến đê bao Đông kênh Tư, Ô 1 xã Thạnh Hòa	600.000.000			
4	Gia cố nâng cấp đê bao Đông Kênh Trục, Ô 1 xã Thạnh Tân	400.000.000			
5	Gia cố nâng cấp đê tuyến Tây kênh Trục, Ô 2 xã Thạnh Tân	400.000.000			
6	Gia cố nâng cấp tuyến đê bao Tây Sáu Âu xã Phước Lập	680.000.000			
IX	HUYỆN CHỢ GẠO	65.000.000			
1	Áo phao cho đội cứu hộ ven sông Tiền – Kênh Chợ Gạo (BPI, XD, LBĐ, SB, LBĐ, HĐ) (90 bộ x 300.000đ/bộ)	27.000.000			
2	Máy phát điện (chạy xăng, dầu) (01 cái x 15.000.000đ)	15.000.000			
3	Phao tròn (10 cái/bến x 04 bến x 250.000đ/cái)	10.000.000			
4	Nhà bạt 45 m2 tráng PVC chống mưa nắng (01 bộ x 8.000.000đ/bộ)	8.000.000			
5	Nhà bạt 30 m2 tráng PVC chống mưa nắng (01 bộ x 5.000.000đ/bộ)	5.000.000			
X	HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG	12.845.200.000			
1	Chi mua trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai	200.000.000			
2	Chi cho công tác tuyên truyền (12 cuộc)	25.200.000			
3	Chi phí trồng rừng phòng hộ (60 ha)	720.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
4	Chi phí thi công các công trình phòng chống thiên tai				
5	Xây dựng 300 mô hình tránh trú bão kết hợp sinh hoạt gia đình (300 mô hình x 18.000.000đ/mô hình)	5.400.000.000			
6	Xây dựng tuyến đê cấp sông Cửa Tiểu, ấp Tân Phú, xã Tân Thới dài 2.5 km	3.500.000.000			
7	Thi công xây dựng tuyến đê cấp sông Cửa Tiểu, ấp Tân Ninh, xã Tân Phú dài 2.3km	3.000.000.000			
XI	THỊ XÃ GÒ CÔNG	900.000.000	900.000.000	900.000.000	
1	Đầu tư xây dựng cầu Xóm Mới, ấp Thành Nhi	900.000.000	900.000.000	900.000.000	Biên bản họp ngày 30/10/2015
XII	VĂN PHÒNG BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TKCN	32.116.438.000	32.116.438.000	23.907.093.000	
1	Nâng cấp, trải đá 0x4 các tuyến đê thuộc huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây và thị xã Gò Công bao gồm:	11.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000	
1.1	Tuyến đê Sông Tra đoạn từ bến đò Ninh Đồng đến cống số 4 thuộc huyện Gò Công Tây	3.600.000.000			CV 4300/UBND-KTN ngày 09/9/2015
1.2	Tuyến đê Soai Rạp đoạn từ miếu Ông Hai Một, ấp Năm Châu, xã Bình Đông đến cống Vàm Tháp thuộc thị xã Gò Công	3.800.000.000			
1.3	Tuyến đê Bình Ninh đoạn từ cầu Hòa Định đến đường vào bến phà Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo	4.100.000.000			
2	Kinh phí bơm bỏ cấp vào các ao chứa nước Tân Phú Đông	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Kế hoạch 2169/KH-SNN&PTNT ngày 11/11/2015
3	Kinh phí thuê xà lan chở nước ngọt từ thượng nguồn bơm bỏ cấp cho các ao-huyện Tân Phú Đông	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	
4	Kinh phí xây dựng trạm bơm dã chiến để bơm nước ngọt bỏ cấp cho vùng ngọt hóa Gò Công	5.047.900.000	5.047.900.000		
5	Duy tu, dặm và các tuyến đê	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
6	Xử lý các công trình cấp bách năm 2016	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
7	Chi phí cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	300.000.000	300.000.000	300.000.000	
8	Thực hiện Kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2016.	3.768.538.000	3.768.538.000	607.093.000	CV số 2552/STC-NS ngày 07/12/2015 của Sở Tài chính
XIII	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	3.069.930.400	1.300.000.000	1.300.000.000	
a	Chi cục Thủy Sản	1.251.860.400	300.000.000	300.000.000	
1	In tài liệu tuyên truyền phòng chống thiên tai	21.080.000			
2	Lắp pano tuyên truyền phòng chống thiên tai	40.000.000			
3	Quay phóng sự PCTT-TKCN	14.012.000			
4	Tham gia diễn tập PCIT và TKCN	14.012.000			
5	Kinh phí trực bão	61.304.400			
6	Hoạt động tìm kiếm cứu nạn của tàu thanh tra thủy sản	135.852.000			
7	Huy động tàu cá tham gia TKCN	665.600.000			
8	Trang bị máy thông tin liên lạc cho Tổ hợp tác khai thác thủy sản	300.000.000	300.000.000	300.000.000	CV 797/BC-CCTS ngày 15/9/2015
b	Chi cục Kiểm Lâm	12.300.000			
1	Cắt xây dựng 3m3 x 200.000đ	600.000			
2	Bao dựng cát 150 cái x 5.000đ	750.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
3	Xăng xe 100 lít x 20.000đ/lít	2.000.000			
4	Điện 1.000 Kw x 1.900đ	1.900.000			
5	Công cụ, dụng cụ	500.000			
6	Tấm bạt 1 cuộn x 4000000	4.000.000			
7	Dây kẽm 10 kg x 30.000đ/kg	300.000			
8	Công lao động 10 công x 150.000đ/công	2.250.000			
c	Ban Quản lý Cảng cá	37.000.000			
1	Cát xây dựng 25m ³ x 200.000	5.000.000			
2	Bao tải 2.000 cái x 7.000đ/cái	14.000.000			
3	Thuê phương tiện 4 chuyến x 3.000.000đ/chuyến	12.000.000			
4	Xăng 300lít x 20.000đ/lít	6.000.000			
d	Chi cục Thú Y	52.000.000			
1	Thuê phương tiện 4 chuyến x 3.000.000đ/chuyến	12.000.000			
2	Xăng, nhớt 750 lít x 20.000đ/lít	15.000.000			
3	Phụ cấp công tác 250 cuộc x 10.000đ/cuộc	25.000.000			
e	Trung tâm Giống Nông nghiệp	617.260.000			
<i>1</i>	<i>Trại giống Thủy sản Cổ Lịch</i>	<i>31.800.000</i>			
	Điện bơm nước chống ứng 1.000Kw x 2.000đ/Kw	2.000.000			
	Dầu Do chạy máy phát điện 200lít x 16.000đ/lít	3.200.000			
	Bao PP 1.000cái x 10.000đ/cái	10.000.000			
	Dây kẽm 20kg x 30.000	600.000			
	Công cụ, dụng cụ	2.000.000			
	Cừ tràm 300 cây x 20.000đ/cây	6.000.000			
	Công lao động trải nylon 50 công x 120.000đ/công	6.000.000			
	Chi phí khác	2.000.000			
<i>2</i>	<i>Trại giống Thủy sản Tân Thành</i>	<i>20.860.000</i>			
	Cát xây dựng 3m ³ x 400.000đ	1.200.000			
	Bao đựng cát 300.00 cái x 10.000đ/cái	3.000.000			
	Tre, tấm vông 10cây x 40.000đ/cây	400.000			
	Bạt che 1cuộn x 4.000.000đ/tấm	4.000.000			
	Băng keo băng lớn 3cuộn x 20.000đ/cuộn	60.000			
	Bơm nước	8.000.000			
	Công lao động trải nylon 10công x 120.000đ/công	1.200.000			
	Chi phí khác	3.000.000			
<i>3</i>	<i>Trại giống Thủy sản Cồn Cống</i>	<i>9.750.000</i>			
	Cát xây dựng 3m ³ x 450.000đ	1.350.000			
	Bao đựng cát 300.00 cái x 10.000đ/cái	3.000.000			
	Dây cước 2cuộn x 200.000đ/cuộn	400.000			
	Ty bắt tole 200cây x 4.000đ/cây	800.000			
	Công lao động trải nylon 10công x 120.000đ/công	1.200.000			
	Chi phí khác	3.000.000			
<i>4</i>	<i>Tại cây ăn quả Cái Bè</i>	<i>38.650.000</i>			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
	Bơm nước chống úng 300lít x 16.000đ/lít	4.800.000			
	Bạt chống mọi, dụng cụ 7.500m ² x 3.500đ/m ²	26.250.000			
	Công lao động trải nilon: 30 ngày x 120.000đ/ngày	3.600.000			
	Dụng cụ	2.000.000			
	Chi phí khác	2.000.000			
5	Trại giống Vĩnh Hậu	11.600.000			
	Bơm nước chống úng 600lít x 16.000đ/lít	9.600.000			
	Dụng cụ	1.000.000			
	Chi phí khác	1.000.000			
6	Cửa hàng giống Trung Lương	34.600.000			
	Chi phí di dời cây giống	2.000.000			
	Lưới lợp nhà trọt cây 500m ² x 60.000đ/m ²	30.000.000			
	Chi phí nhân công 5 công x 120.000đ	600.000			
	Dụng cụ và chi phí khác	2.000.000			
7	Kho chứa lúa giống	35.000.000			
	Mua pallet	35.000.000			
8	Sản xuất lúa giống, cây giống 20.000cây x 20.000đ	400.000.000			
9	Kinh phí hành chính đi lại	35.000.000			
f	Chi Cục PTNT	30.000.000			
1	Phụ cấp lương làm ngoài giờ	7.652.727			
2	Nhiên liệu (180lít x 19.130đ)	3.443.400			
3	Công tác phí	4.000.000			
4	Thuê muốn phương tiện vận chuyển	6.000.000			
5	Nghiệp vụ chuyên môn BHLD	3.200.000			
6	Chi khác	5.703.873			
g	Văn phòng Sở	23.000.000			
1	Xăng công tác 1.000lít x 20.000đ/lít	20.000.000			
2	Văn phòng phẩm	3.000.000			
h	Khu Bảo tồn sinh thái ĐTM	1.046.510.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
1	Xây dựng tháp quan sát phòng chống cháy rừng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	CV số 64/STC-NS ngày 11/01/2016 của Sở Tài chính
2	Sắt 120kg x 18.000đ/kg	2.160.000			
3	Trụ xi măng 12trụ x 50.000đ/trụ	600.000			
4	Xăng 200lít x 20.000đ/lít	4.000.000			
5	Công cụ, dụng cụ	500.000			
6	Công lao động 100công x 120.000đ/công	12.000.000			
7	Điện bơm nước chống úng	20.000.000			
8	Chi phí khác	7.250.000			
XIV	CẶNG VỤ HÀNG HẢI MỸ THO	334.000.000			
1	Tiền ăn cho lực lượng tham gia cứu nạn (50.000đ/người/ngày x 10 người x 20 ngày)	10.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
2	Tiền bồi dưỡng lực lượng tham gia cứu nạn (104.000đ/người/ngày x 10 người x 20 ngày)	21.000.000			
3	Chi phí thăm hỏi, động viên tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cứu nạn	10.000.000			
4	Chi phí nguyên, nhiên liệu, vật liệu	143.000.000			
5	Chi phí sửa chữa phương tiện (2 Canô x 1 lần/năm x 50.000.000đ/lần)	100.000.000			
6	Chi phí khác	50.000.000			
XV	HỘI LHPN TỈNH TIỀN GIANG	32.400.000	20.000.000	20.000.000	
1	Tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai cho tuyên truyền viên cơ sở, huyện (3 lớp)	22.800.000			
2	Hỗ trợ tuyên truyền phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiệt hại cho phụ nữ các xã cù lao ven biển	9.600.000			
XVI	HỘI NÔNG DÂN	93.000.000			
1	Tiền hỗ trợ đại biểu tham dự tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai (100 người x 30 cuộc x 20.000đ/người)	60.000.000			
2	Tiền thuê hội trường tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai (30 cuộc x 3000đ/cuộc)	9.000.000			
3	Tiền bồi dưỡng báo cáo viên tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai (30 cuộc x 300.000đ/cuộc)	9.000.000			
4	Tiền công tác phí cho cán bộ tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai (30 cuộc x 100.000đ/cuộc)	3.000.000			
5	Tiền xăng đi tuyên truyền và kiểm tra (40 chuyến x 15 lít/chuyến x 20.000đ/lít)	12.000.000			
XVII	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH TIỀN GIANG	152.600.000	42.000.000	42.000.000	
1	Mở lớp tập huấn sơ cấp cứu cho cán bộ hội cơ sở: 6 lớp x 7.000.000đ/lớp	42.000.000	42.000.000	42.000.000	
2	Nhiên liệu, công tác phí cho cán bộ kiểm tra thực hiện kế hoạch ứng phó thiên tai: 11 huyện, thị, thành x 600.000đ/huyện	6.600.000			
3	Trang bị bộ đèn pin, áo phao, quần áo, giày (ủng) và nón đi mưa cho 7 cán bộ là tình nguyện viên: 7 bộ x 2.000.000đ/bộ	14.000.000			
4	Thuê phương tiện vận chuyển hàng hóa, đưa rước các đoàn cứu trợ	20.000.000			
5	Nhiên liệu đi lại phục vụ công tác khảo sát, cứu trợ	25.000.000			
6	Chi tiếp các đoàn trong và ngoài tỉnh, các tổ chức quốc tế đến khảo sát và cứu trợ	30.000.000			
7	Chi phí cho lực lượng tự nguyện đi điều tra, khảo sát phục vụ các đoàn cứu trợ	10.000.000			
8	Vấn phòng phẩm, bao bì đóng gói hàng cứu trợ, băng ron và chi phí khác	5.000.000			
XVIII	ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN	232.500.000	232.500.000	232.500.000	
1	Thu thập số liệu mực nước lũ các trạm nội đồng (điện báo về TTKTTV hàng ngày lúc 7 giờ sáng từ ngày 01 tháng 5 đến 31 tháng 12. Tổng số tháng thực hiện là 8 tháng) 1.150.000đ/tháng x 7 trạm x 8 tháng	64.400.000	64.400.000	64.400.000	
2	Số liệu mưa từ tháng 5 đến tháng 12 (400000 đ/tháng x 15 trạm x 8 tháng)	48.000.000	48.000.000	48.000.000	
3	Chi phí đo mưa tại 6 trạm đo mưa (Trạm Vàm Láng, Đồng Sơn, Phú Thạnh và 3 trạm mới Phú Đông, Bình Xuân, TT Chợ Gạo): 1.150.000đ/tháng x 12 tháng x 6 trạm	82.800.000	82.800.000	82.800.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
4	Chi phí do mặn phục vụ công tác theo dõi và dự báo mặn trên địa bàn tỉnh tại 05 trạm trên sông Tiền: Vàm Kênh, Hòa Bình, An Định, Mỹ Tho và Đồng Tâm	37.300.000	37.300.000	37.300.000	
4.1	Thời gian đo : từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 (6 tháng) đối với trạm Vàm Kênh và Hòa Bình				
4.2	Thời gian đo : từ 01 tháng 02 đến 31 tháng 5 (4 tháng) đối với trạm An Định				
4.3	Thời gian đo : từ 01 tháng 02 đến 30 tháng 4 (3 tháng) đối với trạm Mỹ Tho				
4.4	Thời gian đo : từ 01 tháng 3 đến 30 tháng 4 (2 tháng) đối với trạm Đồng Tâm				
4.5	Chế độ đo 12/24 giờ lễ				
4.6	Kinh phí: 100.000d/ngày				
XIX	ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH	62.000.000	30.000.000	30.000.000	
1	Mở chương trình phát thanh tuyên truyền thiên tai (10 tiết mục x 800.000d)	8.000.000			
2	Mở chương trình truyền hình tuyên truyền thiên tai (10 tiết mục x 1.500.000d)	15.000.000			
3	Mở chuyên mục truyền hình trong chuyên mục Nông thôn và chuyên mục Đại đoàn kết toàn dân (2 chuyên mục x 4.000.000 đ)	8.000.000			
4	Thực hiện tiểu phẩm thông tin lưu động (01 tiểu phẩm x 20.000.000d)	20.000.000			
5	Hỗ trợ tiền trực ca vào thời điểm xảy ra bão, lũ	4.000.000			
6	Hỗ trợ tiền xăng di công tác vào những đợt lũ	7.000.000			
XX	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	757.500.000			
1	Hỗ trợ hộ gia đình có người chết, mất tích (4.500.000d/người x 15 người)	67.500.000			
2	Hỗ trợ hộ gia đình có người bị thương nặng (1.500.000d/người x 20 người)	30.000.000			
3	Hỗ trợ hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng (6.000.000d/hộ x 60 hộ)	360.000.000			
4	Hỗ trợ hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét (6.000.000d/hộ x 10 hộ)	120.000.000			
5	Hỗ trợ hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng và hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét sống ở vùng khó khăn thuộc danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định (15.000.000d/hộ x 12 hộ)	180.000.000			
XXI	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	6.822.000			
1	Xăng phục vụ PCLB: 300 lít x 20.290 đ/lít	6.087.000			
2	Sim, Card điện thoại di động của 6 mạng: 75.000d/sim x 6 sim	375.000			
3	Áo đi mưa 9 chiếc x 40.000 đ/chiếc	360.000			
4	Áo phao 9 chiếc	-			
XXII	SỞ XÂY DỰNG	35.500.000			
1	Văn phòng phẩm	2.500.000			
2	Phối hợp kiểm tra hiện trạng và công tác gia cố các công trình vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ	10.000.000			
3	Khảo sát hiện trạng sạt lở các Cụm dân cư	15.000.000			
4	Phụ cấp lương làm ngoài giờ: 2 người x 4.000.000d	8.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
XXIII	SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH	15.000.000	-	-	
1	Xe loa cổ động đến các huyện trong tỉnh	15.000.000	-	-	
	- Bồi dưỡng kỹ thuật xe loa (03 người x 100.000 đ/người x 10 chuyến)	3.000.000			
	- Dầu chạy xe (50 lít x 10 chuyến x 24.000đ/lít)	12.000.000			
XXIV	BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG	1.608.308.000	1.291.300.000	1.140.000.000	
1	Xây dựng bờ kè Doanh trại Hải đội 2	1.140.000.000	1.140.000.000	1.140.000.000	CV 5640/UBND-KTN ngày 24/11/2015
2	Bảo quản sửa chữa ca nô ST 750	40.000.000			
3	Bảo quản sửa chữa ca nô ST 660	60.000.000			
4	Lốp xe Hyundai 4 cái x 3.200.000	12.800.000			
5	Lốp xe Uoat cứu thương 4 cái x 3.000.000	12.000.000			
6	Lốp xe Camry 4 cái x 2.600.000	10.400.000			
7	Bình Ác quy 12V-70A 3 cái x 1.700.000	5.100.000			
8	Đèn pha cầm tay (HALOGEN) 20 cái x 600.000	12.000.000			
9	Bảo dưỡng trụ angten báo bão	30.000.000	30.000.000		
10	Bảo dưỡng 3 bộ máy icom 710	7.500.000			
11	Máy photo	60.000.000	60.000.000		
12	Máy phát điện	30.000.000	30.000.000		
13	Máy in	6.000.000	6.000.000		
14	Máy vi tính (01 bộ gồm CPU và màn hình)	20.300.000	20.300.000		
15	Máy fax (01 cái)	5.000.000	5.000.000		
16	Xăng A92: 3.000lít	55.608.000			
17	Dầu D.O: 5.000lít	67.100.000			
18	Nhớt 2T: 150 lít	12.000.000			
19	Nhớt 4T: 500 lít	22.500.000			
XXV	SỞ CÔNG THƯƠNG	13.232.500.000			
1	Xăng kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão của các cơ sở và công tác điều hành ứng cứu nhân dân khi có thiên tai xảy ra (20 cuộc/năm x 30 lít xăng/cuộc=600lít)	13.200.000			
2	Xăng kiểm tra diễn biến tình hình giá cả thị trường và công tác bình ổn thị trường ở thời điểm trước, trong và sau thiên tai (10 cuộc/năm x 40 lít xăng/cuộc=400lít)	8.800.000			
3	Chi cước phí thông tin liên lạc (điện thoại, fax...) của các đồng chí trong Ban Chỉ huy PCLB và TKCN Sở Công thương để điều hành, chỉ đạo công tác PCLB và công tác bình ổn giá cả thị trường khi có thiên tai (300.000đồng/chiếc/năm x 5 chiếc)	1.500.000			
4	Tiền ăn cho cán bộ đi kiểm tra, giám sát (100.000đ x 3 người x 30 ngày)	9.000.000			
4	Kinh phí dự trữ hàng hóa thiết yếu của các doanh nghiệp năm 2016	13.200.000.000			
	- Công ty Lương thực Tiền Giang	9.500.000.000			
	+ Gao: 500tấn x 14000000tr/tấn	7.000.000.000			
	+ Nước uống đóng chai 350ml: 1.000.000 chai x 2500đ/chai	2.500.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Số Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
	- Công ty cổ phần Thương mại Chợ Gạo: Tấm lợp tole ximăng (20.000 tấm x 70.000đ/tấm)	1.400.000.000			
	- Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ phường 1	2.300.000.000			
	+ Mi gói: 600.000 gói x 3000đ/gói	1.800.000.000			
	+ Các mặt hàng lương thực, thực phẩm khác	500.000.000			
XXVI	SỐ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	750.000.000	370.000.000	370.000.000	
1	Tổ chức họp, triển khai nhiệm vụ ứng phó khẩn cấp với các thành viên trong ngành	4.000.000			
2	Khảo sát nắm bắt tình hình ở các khu vực xảy ra sự cố thiên tai	12.000.000			
3	Công tác quan trắc môi trường tại vùng lũ (lấy mẫu 21 điểm, phân tích 12 chỉ tiêu)	42.000.000			
4	Mua chế phẩm EM xử lý môi trường tại vùng lũ (20.000 lít x 20.000 đ/lít)	400.000.000	200.000.000	200.000.000	Cấp khi có lũ xảy ra
5	Mua hóa chất xử lý nước cấp sinh hoạt do ô nhiễm môi trường nước khu vực chịu tác động của áp thấp nhiệt đới, gió, bão, lũ.	170.000.000	170.000.000	170.000.000	Cấp khi có lũ xảy ra
6	Vệ sinh môi trường vùng chịu ảnh hưởng do tác động của bão, lũ, áp thấp nhiệt đới	80.000.000			
7	Thuê xe chở người và phương tiện kỹ thuật, các vật liệu hóa chất đi ứng phó	12.000.000			
8	Kinh phí dự phòng	30.000.000			
XXVII	SỐ GIAO THÔNG VẬN TẢI	4.050.000.000			
1	Công tác đảm bảo giao thông	1.500.000.000			
2	Máy cưa 05 chiếc	50.000.000			
3	01 Xe cầu 08 tấn	1.700.000.000			
4	01 Xe tải 08 tấn	800.000.000			
XXVIII	SỐ Y TẾ	1.460.000.000			
1	Chi phí cho Ban chỉ huy PCLB-TKCN ngành Y tế đi giám sát	40.000.000			
2	Chi phí giám sát, kiểm tra, mua vật tư: phao cứu sinh, sứa xe cứu thương phục vụ cho công tác phòng chống lụt bão tuyến huyện	170.000.000			
3	Chi hoạt động, vật tư, sửa chữa, nâng cấp phục vụ cho công tác PCLB tại trạm y tế 70 xã	28.000.000			
4	Chi cho 6 đội cấp cứu tỉnh	112.000.000			
	+ Thuốc: 15.000.000đ/cơ số x 6	90.000.000			
	+ Xăng dầu: 1.000 lít x 22.000đ/lít	22.000.000			
5	Thuốc cho các tổ cấp cứu: 20 cơ số x 5.000.000đ/cơ số	100.000.000			
6	Chi cho hệ dự phòng	735.000.000			
7	Chi cho công tác truyền thông-GDSK	175.000.000			
8	Thuê phương tiện, vận chuyển đi lại	50.000.000			
9	Chi phí khác	50.000.000			
XXIX	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG	99.600.000			
1	Áo phao 20 cái x 110.000đ	2.200.000			
2	Đèn pin có để sạc không vô nước 4 cái x 350.000đ	1.400.000			
3	Chi phí tổ chức diễn tập, sửa chữa lưới điện do ảnh hưởng lũ lụt	80.000.000			
4	Máy bộ đàm cầm tay 4 cái x 4.000.000đ	16.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
XXX	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH	570.900.000			
1	Tiền ăn huấn luyện cho lực lượng làm nhiệm vụ khắc phụ hậu quả thiên tai 100đ/c x 45.000đ x 5 ngày	22.500.000			
2	Tiền ăn lực lượng tham gia đi khắc phụ hậu quả thiên tai	171.000.000			
	+ Tiền ăn lực lượng tham gia đi khắc phụ hậu quả thiên tai 100đ/c x 45.000đ x 15 ngày	67.500.000			
	+ Tiền ăn lực lượng gia cố đê, bảo vệ doanh trại trung đoàn BB924 và kho K1: 100đ/c x 45.000đ x 2 ngày	22.500.000			
	+ Tiền ăn lực lượng tuần tra bảo vệ đê: 10đ/c x 45.000đ x 30 ngày	13.500.000			
	+ Tiền ăn lực lượng trực theo dõi bão 24/24: 15đ/c x 45.000đ x 10 cơn bão x 10 ngày/10 cơn bão	67.500.000			
3	Vật chất bảo đảm PCLB&TKCN	246.000.000			
	+ Áo phao: 50 cái x 2.500.000đ	125.000.000			
	+ Mũ có lưới che và kính 50cái x 1.100.000đ	55.000.000			
	+ Cưa máy 02cái x 4.000.000đ	8.000.000			
	+ Áo mưa bộ 100bộ x 190.000đ	19.000.000			
	+ Võng dù RR 2 lớp có dây 100cái x 170.000đ	17.000.000			
	+ Xăng gấp BB USA 50cái x 440.000đ	22.000.000			
4	Nhiên liệu bảo đảm cho công tác PCLB - TKCN	131.400.000			
	+ Xăng chở lực lượng giúp dân khắc phục thiên tai: 5.000l x 21.900đ/lít	109.500.000			
	+ Xăng bơm nước chống lụt trung đoàn BB924 và kho K1: 1.000 lít x 21.900đ/lít	21.900.000			
XXXI	CÔNG AN TỈNH	2.209.260.000			
1	Mua nhiên liệu	139.220.000			
	+ Xăng A92: 5.000 lít x 18.900 đ/lít	94.500.000			
	+ Dầu: 2.600 lít x 13.700đ/lít	35.620.000			
	+ Nhớt: 200 lít x 45.500đ/lít	9.100.000			
2	Sửa chữa phương tiện	113.750.000			
	+ Sửa chữa một Rơ moóc kéo canô	4.450.000			
	+ Sửa chữa 4 vỏ lái	15.000.000			
	+ Sửa chữa 4 canô	32.000.000			
	+ Sửa chữa 4 máy vỏ lái	12.000.000			
	+ Mua 10 bình ắc quy cho xe và tàu	9.500.000			
	+ Sửa chữa 2 xe cứu hộ, cứu nạn	40.800.000			
3	Mua phương tiện	870.000.000			
	+ Dao, búa, cuốc, sên	10.000.000			
	+ Cưa máy 10 cái x 5.000.000	50.000.000			
	+ Máy phát điện 5KW: 12.000.000đ/cái x 5 cái	60.000.000			
	+ Tàu cứu hộ (Vỏ nhựa Composit, máy dầu 500HP)	750.000.000			
4	Mua công cụ, dụng cụ	411.480.000			
	+ Ba lô cá nhân: 360cái x 220.000đ	79.200.000			
	+ Đèn pin sạc: 360 cái x 35.000đ	12.600.000			
	+ Đèn pha lớn 20 cái x 250.000đ	5.000.000			

Số TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	BCHPCLB và TKCN tính đề xuất	Sở Tài chính đề xuất	Phụ chú
A	B	1	2	3	4
	+ Ứng nhựa: 360 đôi x 80.000đ	28.800.000			
	+ Vòng mừng cá nhân: 360 cái x 250.000đ	90.000.000			
	+ Bình ton đựng nước: 360 cái x 33.000đ	11.880.000			
	+ Áo mưa nguyên bộ: 360 bộ x 150.000đ	54.000.000			
	+ Phao vận tải: 20 cái x 6.500.000đ	130.000.000			
5	Mua thuốc chữa bệnh, hóa chất khử trùng nước	116.810.000			
	+ Trang cấp 2 tổ chống dịch phục vụ nhân dân	30.000.000			
	+ Thuốc xử lý môi trường, phòng dịch, điều trị bệnh cho trại tạm giam, nhà tạm giữ	50.000.000			
	+ Điều trị tại cơ sở	36.810.000			
6	Kinh phí đối phó lụt bão thiên tai xảy ra	558.000.000			
	+ Mua dụng cụ cấp dưỡng 360đ/c x 50.000đ	18.000.000			
	+ Chi cung cấp lương thực, thực phẩm: 360đ/c x 100.000đ x 15 ngày	540.000.000			
XXXII	TÍNH ĐOÀN	42.400.000	30.000.000	30.000.000	
1	Tổ chức 04 cuộc tập huấn kiến thức, kỹ năng ứng phó với lụt bão và kỹ năng tìm kiếm cứu nạn, sơ cấp cứu	42.400.000			
	+ Thuê hội trường (1.000.000 đ/ngày x 01 cuộc/ngày x 04 ngày)	4.000.000			
	+ Phòng chữ (500.000đ/tấm x 01 tấm/cuộc x 04 cuộc)	2.000.000			
	+ Banner tuyên truyền (200.000đ/tấm x 01 tấm/cuộc x 04 cuộc)	800.000			
	+ Báo cáo viên (300.000đ/người/cuộc x 03 người/cuộc x 04 cuộc)	3.600.000			
	+ Tài liệu (15.000đ/bộ/người x 120 người/cuộc x 04 cuộc)	7.200.000			
	+ Dụng cụ thực hành, văn phòng phẩm (1.000.000đ/bộ x 01 bộ/cuộc x 04 cuộc)	4.000.000			
	+ Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (20.000đ/người/cuộc x 120 người/cuộc x 04 cuộc)	9.600.000			
	+ Hỗ trợ tiền nước cho học viên (15000đ/người/cuộc x 120 người/cuộc x 04 cuộc)	7.200.000			
	+ Quà tặng phần thực hành (50.000đ/phần x 20 phần/cuộc x 04 cuộc)	4.000.000			
	TỔNG CỘNG	235.459.923.400	73.624.238.000	65.263.593.000	

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hùng